

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 2

Thiên thứ 2: TAM GIỚI

Tam giới có hai loại: Một là Tứ châu. Hai là chư Thiên.

I. THUYẾT MINH TỨ CHÂU

Tứ châu có mười phần: Thuật ý, Hội danh, Địa lượng, Sơn lượng, Giới lượng, Phương thổ, Thân lượng, Thọ lượng, Y lượng, Ưu liệt.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Xét rằng: Tam giới yên vị, lục đạo phân chia. Tinh thô khác vẻ, khổ lạc không đồng. Xem tận ngọn nguồn, không lia hai chữ sắc tâm. Kiến nghiệm cứu cách, chẳng có gì ngoài sinh diệt. Sinh diệt luân hồi, chính thị vô thường. Sắc tâm ảnh hưởng, ấy là gốc khổ. Thế nên, kinh Niết Bàn thí dụ với Đại hà, kinh Pháp Hoa so sánh với Đại trạch. Thánh nhân mở đường giác ngộ, dừng bước lại để quay về. Mau mau vượt khỏi Tam giới, dần dần bước sang Thập địa. Tìm tòi bản thể của thế gian, gặp đúng thời tiết mới sinh ra. Vùi dập qua bao tai kiếp, cuối cùng trở lại hư không. Cái gọi là thọ ngắn, nghĩa là có thọ dài. Có dài mới hiện rõ nghĩa của ngắn.

Than ôi! Hư không chẳng thấy, nên giới hạn thật vô cùng. Thế giới bao la, nên có thiên hình vạn trạng. Ở đây, Đại thiên do Pháp vương thống lãnh, Tiểu thiên được Phạm vương điều hành. Tu-di là chỗ Đế-thích cư trú. Thiết vi là thành trì của chư Thiên. Đại hải là vực lớn của tám phương, nhật nguyệt là đèn đuốc của bốn hướng. Đông đảo quần sanh, hân hoan xem đây là nhà. Nhưng nhúc vạn vật, chẳng nghĩ đến chỗ đày đọa! Đắm giữa tục mà xem, chỉ là lời viển vông vu khoát. Lấy đại đạo để xét, chính là việc gần gũi tắc gang.

Thế gian sùng thượng Châu công, Khổng Tử có công san định điển phần, nhưng hai vị Thánh ấy luận bàn về vũ trụ, ước đoán không nổi! Dịch gọi Huyền thiên, vốn đặt tên cho cõi thâm u. Trang nói Thương

thiên, chỉ gần màu nhìn từ xa vậy. Do đó, kẻ dốt cả tin, bảo: “Trời xanh như ngọc”. Nho sĩ dựa sách, nói: “Trời đen như sơn”. Xanh, đen thật khác biệt, hiểu sai lạc cũng giống như nhau. Nho dốt dẫu chẳng đồng, không biết gì, đều chỉ là một! Mới hay, đời tôn kính tên Trời mà không rành chân tướng. Há biết được vẻ tráng lệ của cõi Lục dục, sự quang minh của chốn Thập phạm đến mức nào? Than ôi! Hiện trạng vủa Tam giới còn chẳng ai hay. Không nghĩ đến diệu lý, đương nhiên gác bỏ.

Thiết tưởng các kinh điển Đại thừa đã nói nhiều về “không” sâu xa: Tìm tòi các kinh Trường A-hàm, Lô Thán, nói về thế giới, mà văn chương uyên bác, kệ tán rất nhiều, rốt lại, cũng khó nghiên cứu. Nay chỉ chọn lọc những điều thiết yếu, đại lược, cốt nêu cao chỗ thâm viển mà thôi.

Thứ hai: PHẦN HỘI DANH

Theo các kinh Trường A-hàm và Khởi Thế nói: “Giữa trung tâm bốn châu là núi Tu-di, phía ngoài núi này có tám ngọn núi khác bao bọc chung quanh. Dưới chân núi Tu-di là biển lớn, sâu tám vạn bốn ngàn do tuần. Bên cạnh tám ngọn núi là biển lớn, phần trước rộng tám ngàn do tuần, trong có nước tám công đức. (Theo luận Thuận Chánh Lý nói: một là ngọt, hai là mát, ba là diệu, bốn là nhẹ, năm là trong, sáu là không hôi, bảy là không rất hòng, tám là uống rồi không đau bụng). Cứ thế, biển hẹp dần. Đến dưới chân ngọn núi thứ bảy, biển còn rộng một ngàn hai trăm năm mươi do tuần. Phía ngoài rộng vô bờ bến. Ngoài biển này còn có ngọn núi khác, tức là núi Đại Thiết Vi bao bọc chung quanh và mặt trời mặt trăng ngày đêm luân phiên nhau soi sáng thiên hạ bốn phương, gọi là một quốc độ. Lấy một quốc độ này làm đơn vị, đủ một ngàn núi Thiết Vi bao quanh xong, gọi là một Tiểu thiên thế giới. Lại đủ một ngàn núi Thiết Vi bao quanh xong, gọi là một Trung thiên thế giới. Từ số Trung thiên này, lại đủ một ngàn núi Thiết Vi bao quanh xong, gọi là một đại thiên thế giới. Trong đó, trên núi Chúa của bốn châu đều có gắn mặt trời mặt trăng soi chiếu. Thậm chí số đỉnh núi của Đại thiên thế giới nhiều đến vạn ức”. (Xưa nói trăm ức là tính sai).

Thành thì cùng hành, hoại thì cùng hoại, đều là cõi do một đức hóa Phật thống lãnh, gọi là Tam thiên đại thiên thế giới, hiệu là Ta Bà thế giới. Chính gốc tiếng Phạm gọi là Tát Ha thế giới. Theo kinh Tự Thệ Tam Muội nói: “Ta Ha thế giới (Tiếng Hán là Nhẫn giới, là do người ở đây bản tính cương cường, gặp chuyện khó nhẫn nhục nên gọi là nhẫn) có đức Phật tên Năng Nhân thống lãnh một cõi bao la gọi là

Tam giới gồm có: một là Dục giới, hai là Sắc giới, ba là Vô sắc giới. Trước tiên là Dục giới. Có bốn loại dục: một là tình dục, hai là sắc dục, ba là thực dục, bốn là dâm dục. Thứ hai là Sắc giới. Có hai loại Sắc giới: một là tình dục, hai là sắc dục. Thứ ba là Vô sắc giới thì chỉ có tình dục. Trong Dục giới có bốn loại vừa nói trên, vì dục mạnh, sắc yếu, nên gọi là Dục giới. Trong Sắc giới thứ hai, vì sắc mạnh, dục yếu, nên gọi là Sắc giới. Trong Vô sắc giới thứ ba, sắc hết, dục yếu, nên gọi là Vô sắc giới”. (Theo kinh Hoa Nghiêm, biện luận về Tam thiên đại thiên thế giới vốn có nhiều loại. Ở đây không cần phải thuật lại rườm rà).

Thứ ba: PHẦN ĐỊA LƯỢNG

Theo kinh Hoa Nghiêm nói: “Tam thiên đại thiên thế giới, vì vô lượng nhân duyên mà thành. Hơn nữa, như thế giới nương tựa vào thủy luân, thủy luân dựa vào phong luân, phong luân lại nương tựa vào không luân. Không luân không nương tựa vào đâu. Còn chúng sinh chịu nghiệp lực nên thế giới an trụ”. Bởi thế, luận Trí Độ nói: “Tam thiên đại thiên thế giới đều nương tựa vào phong luân để làm nền tảng”. Hơn nữa, kinh Tân Phiên Bồ Tát Tạng nói: “Vì chư Phật thành tựu được trí tuệ bất khả tư nghị nên biết được các tướng của mưa gió. Biết được thế gian có cơn gió lớn tên Ô-lô-bác-ca, biết đến chúng sinh vì có giác quan nên đều bị cơn gió lớn này lay động, cơn gió này ước lượng cao đến ba câu lô xá. Ở trên cơn gió này, trong không trung lại có cơn gió gọi là Vân phong luân, nổi lên, cơn gió này ước lượng cao đến năm câu lô xá. Ở trên cơn gió này, trong không trung lại có cơn gió gọi là Chiêm bạc ca, nổi lên, cơn gió này ước lượng cao đến mười du thiên na. Ở trên cơn gió này, trong không trung lại có cơn gió nổi lên, gọi là Khuyển tác phước ca, cơn gió này ước lượng cao đến ba mươi du thiên na. Lại trên cơn gió này, giữa không trung còn có cơn gió nổi lên, gọi là Khử lai, cơn gió này ước lượng cao đến bốn mươi du thiên na. Như thế, này Xá-lợi-tử, lần lượt xoay lên đến sáu vạn tám ngàn câu đê tướng của phong luân, Như Lai giác ngộ đạo vô thượng, dựa vào đại trí tuệ đều biết hết tất cả. Này, Xá-lợi-tử! Phong luân ở trên cùng tên là Châu biển. Trên đó là chỗ thủy luân nương tựa. Nước này ước lượng cao đến sáu mươi tám ức du thiên na, là chỗ thế giới ấy nương tựa. Đất của thế giới ấy cao đến sáu mươi tám ngàn du thiên na. Này, Xá-lợi-tử, trên đất ấy ước lượng có một Tam thiên đại thiên thế giới”. Vả lại, kinh Lô Thán nói: “Đất này sâu hai mươi ức vạn dặm. Dưới có kim túc cũng sâu hai mươi ức vạn dặm. Dưới có kim cương cũng sâu hai mươi ức vạn dặm. Dưới

có nước giới hạn sâu tám mươi ức vạn dặm. Dưới nước có gió lớn vô cùng, sâu đến năm trăm hai mươi ức vạn dặm. Trên đây có sáu tầng. Bốn tầng trước là địa luân, tầng thứ năm là thủy luân, tầng thứ sáu là phong luân”. Kinh Kim Quang Minh nói: “Đất này sâu một ngàn sáu vạn tám ngàn do tuần. Dưới có kim sa. Kim sa chính là kim tức. Dưới có kim cương địa. Giải thích rằng: “Phong luân trước kiên cố không thể hủy hoại. Có lực sĩ Đại lạc na dùng chày kim cương đánh vào làm cho chày vỡ mà phong luân không hề hư hao. Lực sĩ Đại lạc na ấy là đệ tử Phạm vương có sức na la diên. Đấy cũng là sức của Phật thân, cũng gọi là phong luân na la diên. Trên phong luân này có thủy luân. Theo kinh Lập Thế thì thủy luân này sâu đến một trăm mười ba vạn do tuần, kém hơn phong luân ba mươi tám vạn do tuần. Vì nghiệp lực của chúng sinh nên nước này không chảy đi được. Giống như ăn không tiêu, không vào ruột được vậy. Lại giống như bồ chứa gạo bên trong, ngoài đem buột chặt. Thủy luân cũng thế, vì ngoài có gió giữ lại, không cho chảy đi. Như thế gian quậy bơ làm sữa, sức gió này thổi thuận chiều. Nước này biến thành kim thủy, sâu đến một trăm mười ba vạn do tuần. Khi đã êm thấm thành kim thủy chỉ còn sâu được tám mươi vạn do tuần. Số ba mươi ba vạn do tuần giảm bớt thuộc về kim địa. Kim địa này từ ít hóa thành nhiều, nên dày đến mười hai lạc na. Mỗi lạc na có mười vạn do tuần. Kim địa này có hai chiều ngang dọc đều bằng nhau”.

Thứ tư: PHẦN SƠN LƯỢNG

Nay dựa vào trong một cõi Tam thiên đại thiên thế giới, đều có chư Phật hiện thân giáo hóa, hiện thân giảng sinh, hiện thân sinh diệt, chỉ đường tứ Thánh, mở lối lục phàm. Ước chừng trong một quốc độ bốn phương thiên hạ, tức là cõi được một vầng nhật nguyệt luân phiên soi chiếu, ở giữa có núi Tô Mê Lô ngự trị. (Đời Đường hiện nay dịch là núi Diêu cao xưa gọi là núi Tu-di, còn gọi là Mê lưu, cũng gọi là núi Di lâu. Đều hơi lầm cả). Núi này cao ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, do bốn loại bảo vật tạo thành. Mặt Đông bằng vàng, mặt Nam bằng lưu ly, mặt Tây bằng bạc trắng, mặt Bắc bằng pha lê. Giữa rốn biển cũng sâu ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, nương tựa trên kim luân, như kinh Khởi Thế nói: “Dưới chân núi Tu-di, có tám lớp núi khác. Lớp núi đầu tiên tên là Khư Đề La, cao bốn vạn hai ngàn do tuần, trên mặt cũng rộng như thế, do bảy loại bảo vật tạo thành. Giữa hai ngọn núi Tu-di và Khư Đề La là khoảng cách rộng tám vạn bốn ngàn do tuần, có chu vi rộng vô lượng. Ngoài núi Khư Đề La, còn có núi khác là Y Sa Đà La, cao hai vạn một

ngàn do tuần, trên mặt cũng rộng như thế, do bảy loại bảo vật tạo thành. Khoảng cách giữa hai núi này là bốn vạn hai ngàn do tuần, có chu vi rộng vô lượng. Ngoài núi Y Sa Đà La, còn có núi khác là Du Càn Đà La, cao một vạn hai ngàn do tuần, trên mặt cũng rộng như thế, do bảy loại bảo vật tạo thành. Khoảng cách giữa hai núi này là hai vạn một ngàn do tuần, có chu vi rộng vô lượng. Ngoài núi Du Càn Đà La, còn có núi khác là Thiện Kiến, cao sáu ngàn do tuần, trên mặt cũng rộng như thế, do bảy loại bảo vật tạo thành. Khoảng cách giữa hai núi này là một vạn hai ngàn do tuần, có chu vi rộng vô lượng. Ngoài núi Thiện Kiến, còn có núi khác là Mã Ngưu Đầu, cao ba ngàn do tuần, trên mặt cũng rộng như thế, do bảy loại bảo vật tạo thành. Khoảng cách giữa hai ngọn núi này là sáu ngàn do tuần, có chu vi rộng vô lượng. Ngoài núi Mã Ngưu Đầu, còn có núi khác là Ni Dân Đà La, cao một hai trăm do tuần, trên mặt cũng rộng như thế, do bảy loại bảo vật tạo thành. Khoảng cách giữa hai núi này là hai ngàn bốn trăm do tuần, có chu vi rộng vô lượng. Ngoài núi Ni Dân Đà La, còn có núi khác là Tỳ Na Da Ca, cao sáu trăm do tuần, trên mặt cũng rộng như thế, do bảy loại bảo vật tạo thành. Khoảng cách giữa hai núi này là một ngàn hai trăm do tuần, có chu vi rộng vô lượng. Ngoài núi Tỳ Na Da Ca, còn có núi khác là Chước Ca La (đời Tùy gọi là núi Luân Vi, tức là núi Thiết Vi), cao ba trăm do tuần, trên mặt cũng rộng như thế, do bảy loại bảo vật tạo thành. Khoảng cách giữa hai núi này là sáu trăm do tuần, có chu vi rộng vô lượng. Phía trên bày bố các núi khác, ở giữa là biển nước. Trên mặt biển có các loại hoa Ưu bát la, Bát đầu ma, Câu mâu đà, Bôn trà lợi ca và các loại hương thơm phủ đầy. Cách núi Chước Ca La một khoảng không xa, có một khoảng đất trống, phủ đầy cỏ xanh tức là biển nước. Phía Bắc biển nước này, có cây chúa tên Diêm-phù. Chu vi thân cây đến bảy mươi do tuần, rễ cây ăn sâu vào đất đến hai mươi một do tuần. Thân cây cao đến một trăm do tuần, đến nơi cành là phủ kín bốn phía rộng đến năm mươi do tuần”. Kinh Trường A-hàm nói: “Giữa chỗ đất trống của núi này có biển lớn tên là Uất Thiên Na. Dưới biển này là đường của Chuyển luân vương, rộng mười hai do tuần. Hai bên đường có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây bao bọc trang hoàng, do bảy loại bảo vật tạo thành. Khi Chuyển luân vương xuất hiện ở cõi Diêm-phù-đề, nước tự nhiên rút mất, con đường bằng phẳng hiện ra. Cách biển không xa, có núi tên Uất Thiên Na. Cách núi này không xa, lại có núi khác tên là Kim Bích. Qua khỏi núi này, lại có núi khác tên Tuyết Sơn, ngang dọc rộng năm trăm do tuần, cũng sâu năm trăm do tuần.

Giữa núi Tuyết Sơn là núi Bảo Sơn, cao hai mươi do tuần. Chóp núi Tuyết Sơn mọc cao một trăm do tuần, trên đỉnh có ao A nậu đạt, ngang dọc rộng năm mươi do tuần. Nước ao mát mẻ, trong trẻo, không dơ bẩn. Bờ ao do bảy loại bảo vật tạo thành. Dưới đáy ao đọng đầy cát vàng. Ao có loài hoa lớn như bánh xe, cuống hoa lớn như ổ xe, cuống hoa tiết nhựa trắng như sữa, ngọt như mật. Phía Đông của ao có sông Căng Già, từ miệng Trâu phát nguồn, theo năm trăm sông nhỏ đổ vào biển Đông. Phía Nam của ao có sông Tân Đầu, từ miệng sư tử phát nguồn, theo năm trăm sông nhỏ đổ vào biển Nam. Phía Tây của ao có sông Bác Xoa, từ miệng Ngựa phát nguồn, theo năm trăm sông nhỏ đổ vào biển Tây. Phía Bắc của ao có sông Tư Đà, từ miệng Voi phát nguồn, theo năm trăm sông nhỏ đổ vào biển Bắc”. Theo sách Tây Quốc truyện của Pháp sư Huyền Trang nói: “Nằm giữa trung tâm của châu Thiệm Bộ là ao A na bà đáp đa (đời Đường ngày nay dịch là Vô nhiệt, xưa gọi là ao A nậu đạt là sai, nằm tại phía Nam Hương Sơn, phía Bắc Đại Tuyết Sơn, chu vi tám trăm dặm. Bờ sông được trang hoàng bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê. Có cát vàng trải đầy, sóng xanh lấp lánh như gương soi. Do có nguyện lực vô biên, Bồ tát Thập Địa hóa thân làm Long vương, đến cư ngụ ở nơi này, đem dòng nước trong lành mát mẻ cung cấp cho châu Thiệm Bộ. Bởi thế, ở phía Đông của ao, từ miệng Trâu bạc phát nguyên sông Căng Già (xưa gọi là sông Hằng hà, còn gọi Hằng Già là sai), chảy một vòng quanh ao, rồi đổ vào biển Đông Nam. Ở phía Nam của ao, từ miệng Voi vàng phát nguyên sông Tín Độ (xưa gọi sông Tân Đầu là sai), chảy một vòng quanh ao, rồi đổ vào biển Tây Nam. Ở phía Tây của ao, từ miệng Ngựa lưu ly phát nguyên sông Phược Sô (xưa gọi sông Bác Xoa là sai), chảy một vòng quanh ao, rồi đổ vào biển Tây Bắc. Ở phía Bắc của ao, từ miệng Sư tử pha lê phát nguyên sông Tỷ Đa (xưa gọi sông Tư Đà là sai), chảy một vòng quanh ao, rồi đổ vào biển Đông Bắc. Có người bảo: “Chảy ngầm từ dưới mặt đất rồi đổ ra núi Tích Thạch, tức là sông Tỷ Đa. Đó là nguồn sông của Trung Quốc vậy”. Bấy giờ chưa có Chuyển luân vương xuất thế, châu Thiệm Bộ chỉ có bốn cái chủ tể. Phương Nam lấy voi làm chủ, nên nặng ấm thích hợp cho loài voi. Phương Tây lấy bảo vật làm chủ, nên bờ biển đầy bảo vật. Phương Bắc lấy ngựa làm chủ, nên giá lạnh hợp với loài ngựa. Phương Đông lấy người làm chủ nên hòa hợp đông đúc. Thế nên nước lấy voi làm chủ thì nôn nóng, hiếu học, rành rẽ thuật lạ. Nơi ấy bảo vật làm chủ thì không có lễ nghĩa, coi trọng của cải. Cõi lấy ngựa làm chủ thì bản tính hung bạo, tàn nhẫn hiếu sát. Đất lấy người làm chủ thì phong tục thuần hậu,

nhân nghĩa sáng tỏ. Xét tập quán của bốn cái chủ tế, thì phương Đông cao hơn hết: Nhà ở mở cửa về hướng Đông. Ban ngày nhìn về hướng Đông cúng bái. Đất lấy người làm chủ thì tôn kính nhà vua. Thuần phong mỹ tục, đại khái như thế. Về mặt lễ nghĩa quân thần trên dưới, nghi thức pháp độ, văn chương, ở đất lấy người làm chủ, chẳng nước nào hơn. Về mặt giáo hóa cách tẩy tâm giải nghiệp, thoát ly sinh diệt luân hồi, ở nước lấy voi làm chủ, xem ra có chủ trương hơn. Tất cả điều này được viết thành kinh điển, ban bố khắp người thông kẻ dốt, tập tành học rộng chuyện xưa nay, khảo cứu tinh tường chuyện kiến thức. Thế thì, đức Phật xuất hiện ở phương Tây, chánh pháp truyền bá sang Đông độ. Phiên dịch sai âm, nói năng lằm tiếng. Sai âm thì mất nghĩa, lằm tiếng thì trái lý. Cho nên mới bảo rằng: “Cần nhất phải minh định danh từ. Chủ yếu tránh khỏi sai lằm vậy”.

Hơn nữa, kinh Khởi Thế nói: “Trong cung A Nậu Đạt có ngòai đèn năm cột. Long vương A Nậu Đạt thường xuyên cư trú ở đây. Phật bảo: “Vì sao lại gọi là A Nậu Đạt? Có nghĩa là gì?”. Tất cả Long vương của cõi Diêm-phù-đề này đều có ba điều hoạn nạn. Chỉ có Long vương A Nậu Đạt không bị ba điều hoạn nạn này. Ba điều hoạn nạn gì?

+ Một là hết thấy các Long vương đều bị gió nóng, cát nóng thổi chạm vào mình, thiêu đốt da thịt, thiêu đốt đến tận xương tủy, gây nên khổ não. Chỉ có Long vương A Nậu Đạt không bị hoạn nạn như thế.

+ Hai là hết thấy Long vương đều bị gió dữ nổi lên, thổi mạnh vào cung, làm bay mất áo quý có gắn bảo vật, lộ ra mình rỗng, gây nên khổ não. Chỉ có Long vương A Nậu Đạt không bị hoạn nạn như thế.

+ Ba là hết thấy Long vương, mỗi vị đều ở trong cung cùng vui thích. Bỗng chim Kim sí lớn bay vào mỏi cắn, hoặc nẩy cách muốn ăn thịt Long vương, khiến cho Long vương khiếp sợ, thường ôm khổ não. Chỉ có Long vương A Nậu Đạt không bị hoạn nạn như thế.

Nếu chim Kim sí chúa nào nẩy ý muốn bay vào Long cung làm hại, sẽ bị chết liền. Vì thế, mới gọi là A Nậu Đạt. A Nậu Đạt nghĩa là không phiền não (đời Tần dịch). Phật bảo Tỳ-kheo: “Bên mặt Tuyết Sơn có thành tên là Kim Tỳ Ly. Phía Bắc thành có bảy ngọn núi Đen. Phía Bắc núi Đen có Hương Sơn. Trong núi thường có tiếng âm nhạc ca múa, hát xướng. Núi có hai hang động. Động thứ nhất tên là Hết, động thứ hai tên là Khéo Hết, do bảy loại bảo vật làm thành, mềm mại thơm tho tựa áo trời. Chúa thần âm nhạc Càn Thát Bà có năm trăm nhạc công tùy tùng, thường ở tại đây”. Vả lại, luận Thuận Chánh Lý nói: “Trong bốn châu, chỉ riêng châu Thiệm Bộ có chiếc ghế kim cương, trên cao

đến đất, dưới tựa vào kim luân. Các vị Bồ tát chứng được tối hậu pháp thân, sắp bước lên quả vị Vô thượng Bồ đề, đều ngồi lên nó. Phát khởi kim cương định, dùng vô dư y và hữu dư y cũng như tất cả lực kiên cố khác để giữ chặt chiếc ghế này”. Lại nữa, kinh A Trường Hàm nói: “Phật bảo Tỳ-kheo: “Có bốn vị thiên thân của Tứ đại. Là bốn vị nào? Một là Địa thân, hai là Thủy thân, ba là Phong thân, bốn là Hỏa thân. Trong Tứ đại này, mỗi đại đều có đầy đủ cả Tứ đại”. Thế nên, Địa thân này ra ác kiến, nói: “Trong Địa không có Thủy, Hỏa, Phong!” Bấy giờ Ta biết được vong niệm của Địa thân này, liền đến bảo rằng: “Ông thường nảy sinh vọng niệm, bảo rằng trong Địa không có Thủy, Hỏa, Phong chẳng?” Địa thân trả lời: “Thật sự trong Địa không có Thủy, Hỏa, Phong!” Bấy giờ, Ta liền bảo rằng: “Ông đừng nảy sinh vọng niệm mà nói thế này: Trong Địa không có Thủy, Hỏa, Phong! Tại sao như thế? Trong Địa vốn có Thủy, Hỏa, Phong. Chẳng qua, vì Địa nhiều hơn, nên được mang tên Đại Địa đấy thôi”. Phật bảo Tỳ-kheo: “Ta giúp cho Địa thân ấy trừ bỏ ác kiến, chỉ giáo lợi lạc để chứng được pháp nhãn thanh tịnh. Trong Thủy có Địa, Hỏa, Phong. Trong Hỏa có Địa, Thủy, Phong. Trong Phong có Địa, Thủy, Hỏa. Song Đại đầu tiên nói trên có thành phần nhiều hơn, nên được mang tên đấy thôi!”.

Thứ năm: PHẦN GIỚI LƯỢNG

Theo luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: “Ngoài biển rất mặn, có núi tên là Thiết Vi, ngập trong nước sâu ba trăm mười hai do tuần rưỡi, nổi lên khỏi mặt nước cũng cao như thế, bề mặt cũng rộng như thế, chu vi ba mươi sáu ức một vạn ba nghìn năm trăm bốn mươi do tuần. Từ ranh giới phía Nam Diêm-phù-đề đến núi Thiết Vi xa ba ức sáu vạn sáu trăm sáu mươi ba do tuần. Từ trung tâm Diêm-phù-đề đến trung tâm Đông Phất-vu-đai xa ba ức sáu vạn sáu trăm do tuần. Từ trung tâm Diêm-phù-đề đến trung tâm Tây Cù-da-ni xa ba ức sáu vạn sáu trăm do tuần. Từ ranh giới phía Bắc Diêm-phù-đề đến Bắc Uất-đơn-việt xa bốn ức bảy vạn bảy ngàn năm trăm do tuần. Từ bờ biển ở chân núi Thiết Vi đến tận cùng hải phận phía Tây của núi Thiết Vi ước lượng xa khoảng hai mươi ức hai ngàn tám trăm hai mươi lăm do tuần. Chu vi hải phận của núi Thiết Vi là mười sáu ức tám ngàn bốn trăm bảy mươi lăm do tuần. Từ đỉnh núi Tu-di này đến đỉnh núi Tu-di kia xa mười hai ức ba ngàn bốn trăm năm mươi do tuần. Từ trung tâm núi Tu-di này đến trung tâm núi Tu-di kia xa mười hai ức tám vạn ba ngàn bốn trăm năm mươi do tuần. Từ chân núi Tu-di này đến chân núi Tu-di kia xa mười hai ức ba ngàn bốn mươi lăm

do tuần. Tất cả điều này là do đức Phật bảo. (Theo kinh Trường A-hàm nói: “Diêm-phù-đề có lãnh thổ ngang dọc rộng bảy ngàn do tuần. Tây Cù-da-ni có lãnh thổ ngang dọc rộng tám ngàn do tuần. Đông Phát-vu-đãi có lãnh thổ ngang dọc rộng chín ngàn do tuần. Bắc Uất-đơn-việt có lãnh thổ ngang dọc rộng mười ngàn do tuần).

Thứ sáu: PHẦN PHƯƠNG THỔ

Tìm tòi ở các sách Địa lý, con người vốn khác biệt, không giống nhau. Tổng quát có hai loại người: Một là phàm, hai là Thánh. Nếu theo địa phương mà nói, thì có bốn giống người, gọi là người của bốn cõi thế giới. Nếu theo chỗ ở mà nói, trong bốn cõi thế giới gồm có bốn ngàn lẻ tám chỗ, thì có bốn ngàn lẻ tám giống người. Nếu chỉ xét một cõi Diêm-phù-đề mà nói, thì như kinh Lâu Tán bảo: “Có ba mươi sáu nước lớn, giống người cũng cùng số này”. Nếu xem các luận khác, thì có hai ngàn năm trăm nước nhỏ, giống người cũng như vậy. Hơn nữa, trong từng nước một, có ngàn này giống người: Hồ, Hán, Khương, Lỗ, Man, Di, Sở, Việt. Mỗi giống người, tùy theo môi trường địa lý dị biệt mà có hình dạng khác nhau, không thể nói hết ra đây. Do đó, kinh Lâu Thán có nói: “Chúng tộc của cõi Nam Diêm-phù-đề này sai biệt, gồm có sáu ngàn bốn trăm giống người”. Nhưng chỉ nói gom tổng số, không kể riêng tên của mỗi giống người. Kinh Trường A-hàm nói: “Phật bảo Tỳ-kheo: “Bốn cõi thế giới này có tám ngàn thế giới bao quanh bên ngoài. Lại có biển lớn bao quanh tám ngàn thế giới ấy. Lại có núi Đại Kim Cương bao quanh biển lớn ấy. Ngoài núi Đại Kim Cương này, còn có núi Đại Kim Cương thứ hai. Khoảng cách giữa hai núi này sâu xa thâm thẳm. Dù thiên thần nhật nguyệt có uy lực vĩ đại, cũng không thể đem ánh sáng soi chiếu tận tám cõi địa ngục lớn ấy được!”

Thứ nhất là nói về nước Bắc Uất-đơn-việt. Theo kinh Trường A-hàm nói: “Thế giới phía Bắc núi Tu-di là nước Uất-đơn-việt, có lãnh thổ rất vuông, ngang dọc rộng một vạn do tuần. Mặt người cũng vuông vức giống như địa hình ở đây. Có cây chúa lớn tên là Am Bà La, chu vi bảy do tuần, cao 1 trăm do tuần, cành lá che kín bốn phía năm mươi do tuần. Nước ấy có nhiều núi non, ao tắm, hoa quả tốt tươi, vô số chim chóc ca hát. Đất sinh cỏ mượt, ngả về phía hữu, màu xanh lục biếc như lông chim khổng tước, thơm tho ngào ngạt như mùi Bà sư, dịu dàng như tấm áo trời. Đất ở đây mềm mại, co dãn được. Lấy chân dẫm xuống, lún sâu bốn tấc, giở chân lên, đất lại trồi lên như cũ. Mặt đất lại bằng phẳng, như lòng bàn tay, không còn chỗ cao thấp. Bốn phía của nước có

bốn ao A Nậu Đạt, ngang dọc rộng một trăm do tuần, bờ ao do bảy loại bảo vật tạo thành. Có bốn dòng sông xuất phát từ bốn ao này, rộng đến mười do tuần. Trên mặt sông chim chóc hòa ca. Đất ấy không có hang sâu khe hiểm, cây cối gai góc khổ sở, cũng không có muỗi mòng độc hại, trong đất thuần đầy các loại bảo vật. Âm dương điều hòa, bốn mùa thuận tiện, thảo mộc sinh sôi. Không có mùa đông rét buốt, mùa hạ oi nồng. Đất ấy luôn sinh ra giống lúa cho gạo có cám tự nhiên. Không trồng mà mọc, không có vỏ trấu, như chùm hoa trắng muốt. Trông giống như thức ăn trên Trời Đao lợi, có đủ hương vị ngon lành. Đất ấy cũng luôn có loại nổi tự nhiên. Có loại châu quý báu tên là Diệm quang. Đem châu đặt dưới nổi, khi cơm chín thì ánh sáng của châu tự tắt, không cần củi lửa, không phí sức người. Đất ấy có cây tên là Khúc cung, cành lá sắp lớp, trời mưa không thấm nước. Trai gái ở đấy thường nghỉ ngơi dưới tán cây này. Lại có cây Hương cao bảy mươi dặm, hoa quả tốt tươi. Đến khi quả chín, vỏ tự nhiên nứt, mùi hương bay ra. Hoặc có cây lớn cao sáu mươi dặm, hoặc có cây cao năm mươi dặm, cây nhỏ chỉ cao năm dặm. Đến khi quả chín, vỏ tự nhiên nứt, tuôn ra các loại áo quần, hoặc tuôn ra các loại trang sức, hoặc tuôn ra các loại đồ dùng, hoặc tuôn ra các loại thức ăn. Đôi khi đùa giỡn trên sông, có các loại thuyền bằng bảo vật. Khi người dân ở đấy muốn vào trong nước tắm rửa nô đùa, liền cởi y phục bỏ lại trên bờ. Chèo thuyền ra giữa dòng sông, rong chơi thỏa thích. Xong xuôi, rẽ nước lên bờ, gặp được áo quần, mặc lấy tự nhiên. Người lên trước mặt trước, kẻ lên sau mặt sau, không cần tìm đúng áo quần của mình. Sau đó, đến bên cây Hương, cây liền cong xuống, người ấy lấy tay chọn lựa nhạc khí, lên dây và cất tiếng hát du dương, hòa theo tiếng đàn mà đi vào vườn thưởng thức vui thú. Đất ấy vào nửa đêm, Long vương A Nậu Đạt thường hay cho nổi lên các đám mây thanh tịnh bao quanh thế gian, rồi đổ xuống cơn mưa ngọt ngào, bằng khoảng thời gian vắt xong bầu sữa bò mẹ, đem nước tắm công đức tưới thấm chan hòa. Nửa đêm về sáng, bầu trời trong suốt, không có mây che. Mặt biển nổi lên làn gió mát mẻ, thổi nhẹ vào người, khiến toàn thân khoan khoái. Đất ấy được mùa, nhân dân thịnh vượng. Nếu cần ăn uống, lấy gạo thiên nhiên cho vào nổi, đem châu Diệm quang đặt vào phía dưới. Khi cơm vừa chín, ánh sáng của châu tự tắt. Có người tìm thấy, tự nhiên lấy ăn. Chủ nhân nằm yên, cơm không bao giờ hết. Nếu chủ nhân ngồi dậy, cơm sẽ hết liền. Cơm ấy tinh khiết ngon lành, như chùm hoa trắng muốt, mùi vị thơm tho tựa thức ăn trên các cõi Trời, không sinh ra bệnh tật. Sức lực đầy đủ, nhan sắc vui tươi, không chút

héo mòn. Con người đất ấy, thân hình dung mạo giống nhau, không thể phân biệt. Nét mặt của người lớn, trông chừng như người Diêm-phù-đề vào tuổi hai mươi. Người ở đấy, răng mọc đều đặn, trắng tinh, không hở. Tóc xanh hoe đỏ, không dính bụi bặm, rủ xuống tám lóng tay, xòa ngang chân mày, không ngắn không dài. Người ở đấy, khi nổi lòng dục, nhìn say đắm người nữ, rồi lặng lẽ bỏ đi. Người nữ biết ý, đi theo đến chỗ vườn cây. Nếu người nữ thuộc hàng bà con ruột thịt với cha mẹ của người nam thì không thể hành dâm được, cây không uốn cong đập tàn lá lại. Mỗi người lặng lẽ bỏ đi. Nếu không thuộc hàng thân thích bà con, cây Khúc cung liền cong mình đập tàn lá lại. Hai bên tự do hoan lạc trong một hai ngày, có khi lên đến bảy ngày, rồi hờ hững bỏ nhau ra đi. (Luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: “Người châu Bắc không hỏi vợ, không rước dâu, không mua bán. Khi người nam muốn lấy vợ, nhìn say người nữ. Khi người nữ muốn người nam, cũng phải nhìn say người nam. Nếu không thấy được người nam nhìn mình, các người nữ khác bảo giúp: “Người này nhìn bạn đấy!”, thế là trở thành vợ chồng. Người nam không thấy được người nữ nhìn mình thì các người nam khác bảo giúp: “Người nữ này nhìn bạn đấy!”, thế là trở thành vợ chồng. Nếu hai người cùng nhìn nhau, liền đi theo nhau đến chỗ vắng vẻ. Như người có nhiều dục vọng, trong một đời, lên đến năm lần. Hạng trung bình, hoặc bốn hoặc ba bận. Cũng có người tu hành, đến già không hề hành dục. Người nữ ở đấy, khi mang thai, chỉ dùng thức ăn dở). Người nữ ở đây mang thai chỉ có bảy, tám ngày thì sinh. Dù trai hay gái, đều đem bỏ ở ngã tư đường lớn rồi đi. Gặp các người bộ hành qua lại chỗ ấy, chìa ngón tay cho đứa trẻ bú. Sữa theo ngón tay trào ra, no nê đầy mình đứa trẻ. Bảy ngày sau, đứa trẻ trưởng thành, cao bằng người lớn ở đấy. Nam sống theo đám người nam, nữ sống theo đám người nữ. Người ở đấy khi chết không khóc thương nhau. Tắm liệm thi thể xong, đem đặt ở ngã tư đường lớn rồi bỏ đi. Có loài chim tên là Ưu úy Thiên già mang thi thể ấy đi nơi khác. (Theo luận Lập Thế nói: “Chim ấy ngoạm lấy mạng thi thể ra ngoài chỗ núi non để ăn thịt). Vả lại, người ở đấy, khi đi đại tiểu tiện, đất liền nứt ra. Đi xong, đất tự khép mặt trở lại. Người ở đấy không có tình thương yêu lưu luyến, cũng không để dành của cải. Có tuổi thọ nhất định. Khi chết sinh lên cõi Trời. Tại sao người ở đây có tuổi thọ nhất định? Vì người ở đấy, kiếp trước tu hạnh Thập thiện. Khi mệnh chung được sinh vào nước Uất-đơn-việt, hưởng thọ một ngàn tuổi, không tăng không giảm. Thế nên người ở đấy có tuổi thọ bằng nhau. Nếu có người hay ứng dưởng cho các Sa-môn, Bà-la-môn và bố thí cho các trẻ em

nghèo khổ đi ăn xin, các người bị bệnh tật hành hạ khổ sở, bằng cách giúp cho áo quần, thức ăn, xe cộ, tràng hoa, sáp thơm, giường sập, phòng ốc hay xây dựng tháp, chùa, cúng dường đèn đuốc. Khi mệnh chung, người ấy sinh vào nước Uất-đơn-việt, hưởng thọ một ngàn tuổi, không tăng không giảm. Đất ấy không thọ trì Thập thiện, nhưng cư xử tự nhiên, phù hợp với Thập thiện. Khi mệnh chung sinh lên các cõi Trời tốt lành. Thế nên người ở đấy được gọi là Thắng. So với ba cõi kia, nước Uất-đơn-việt này cao nhất, nên đời Tần dịch nghĩa Uất-đơn-việt là Tối thượng. Luận Lập Thế nói: “Người dân nước ấy, hết thảy đều có nước da trắng trẻo, trang sức bằng cách để búi tóc xanh đen mượt trên đầu. Chung quanh thường gọt sạch theo kiểu Châu La. Năm ngày sau, tóc tự nhiên mọc lại, rũ ngang xuống bầy lông tay. Không mọc thêm hay giảm bớt nữa”. Luận Thuận Chánh Lý nói: “Châu Bắc Câu Lô, hình dáng như tòa vuông, ước lượng bốn phía đều bằng nhau, mỗi mặt hai ngàn”. Đã nói cõi đất ấy vuông, mỗi mặt hai ngàn, thì cũng đủ nghĩa. Bên cõi ấy có hai châu trung gian: một là châu Đoản Bà, hai là châu Kiêu Để Bà. Cả hai châu này đều có người ở”.

Thứ hai là Đông Phát-vu-đãi. Theo kinh Trường A-hàm nói: “Phía Đông núi Tu-di có cõi đất tên là Phát-vu-đãi, có lãnh thổ thật tròn, ngang dọc chín ngàn do tuần. Mặt người cũng tròn tựa giống như địa hình ở đấy. Có cây chúa tên là Già Lam Phù, chu vi bảy do tuần, cao một trăm do tuần, cành lá che khắp bốn phía năm mươi do tuần”. Kinh Tạo Thiên Địa nói: “Người ở phương Đông ấy hơn người ở Diêm-phù-đề. Người ở đấy dùng vải lụa mua bán với nhau”. Theo kinh Trường A-hàm nói: “Người ở đấy thọ hai trăm tuổi, ít kẻ có tuổi thọ tăng thêm, trái lại, nhiều người có tuổi thọ giảm xuống”. (Kinh Lâu Thán nói: “Người ở đấy thọ ba trăm tuổi”). Họ sống bằng cá thịt. (Kinh Lập Thế nói: “Họ không sát sinh, không nhờ người khác sát sinh. Nếu có sinh vật chết thì đem ăn thịt”). Họ đem lúa gạo, tơ lụa, châu ngọc mua bán với nhau. Có lễ nghi cưới vợ gả chồng. (Kinh Lập Thế nói: “Người Đông Phát-bà-đề, có kẻ nhiều dục, suốt đời hành dâm bảy lần. Kẻ trung bình tới năm, sáu lần. Cũng có kẻ tu hành, đến chết không hành dâm. Duy ở hai châu Đông Tây, không có người da đen. Ở các châu khác, cũng giống ở Diêm-phù-đề, thân người có nhiều màu da khác nhau. Người ở đấy trang sức đầu tóc theo lối cắt bớt phía trước, để dài phía sau. Áo trên, áo dưới đều thả xuống. Riêng áo trên may quấn quanh thân mình”). Theo luận Thuận Chánh Lý nói: “Châu Đông Thắng Thân, phía Đông hẹp, phía Tây rộng, ba bên bằng nhau. Hình dáng như nửa vầng trăng.

Phía Đông đo được 353, ba bên còn lại, mỗi bên đo được hai ngàn. Phía Đông của châu ấy, vì rộng ở cực Nam của châu, nên có hình như nửa vầng trăng. Bên châu ấy có hai châu trung gian: một là châu ĐỀ-ha, hai là châu Tỳ-đề-ha. Cả hai châu này đều có người ở”.

Thứ ba là Câu-da-ni. Theo kinh Trường A-hàm nói: “Cõi đất phía Tây núi Tu-di tên là Câu-da-ni. Lãnh thổ ấy có hình dáng tròn như vầng trăng đầy, ngang dọc tám ngàn do tuần. Mặt người cũng tròn đầy giống địa hình ở đấy. Có cây chúa tên là Càn ĐỀ, chu vi bảy do tuần, cao một trăm do tuần, cành lá che khắp bốn phía năm mươi do tuần”. (Kinh Khởi Thế nói: “Dưới gốc cây chúa ấy, có con trâu đá lớn một do tuần. Vì nguyên nhân này nên gọi là Cù-đà-ni, nghĩa là dùng trâu làm hàng hóa trao đổi”). Người ở đấy thọ ba trăm tuổi, đem trâu ngựa, châu ngọc ra mua bán với nhau. Người ở đấy cũng hơn người ở Diêm-phù-đề. Luận Lập Thế nói: “Ở đấy, hoặc tự tay sát sinh, hoặc nhờ người khác sát sinh. Sống bằng thịt như người Diêm-phù-đề. Nếu có thân nhân chết, đưa xác vào núi thiêu, xong rồi bỏ về. Hoặc đổ tro vào sông, hoặc chôn dưới đất, hoặc để giữa đất trống. Sinh hoạt ở hai châu Đông Tây ấy đại khái cũng giống ở Diêm-phù-đề, hôn lễ cũng giống. Kẻ có nhiều dục, suốt đời hành dâm đến mười hai lần. Kẻ trung bình tới mười lần. Cũng có kẻ tu hành đến chết, không hành dâm. Người ở đấy trang sức theo lối búi tóc, trên dưới mặc áo”. Theo luận Thuận Chánh Lý nói: “Châu Tây Ngưu hóa có hình tròn núc như vầng trăng đầy, đường kính hai ngàn năm trăm, chu vi bảy trăm năm trăm. Bên cạnh có hai châu trung gian: một là châu Hào, hai là châu Ốt Đát La Mạn Lý Noa. Cả hai châu này đều có người ở”.

Thứ tư là Diêm-phù-đề. Theo kinh Trường A-hàm nói: “Cõi đất phía Nam núi Tu-di là Diêm-phù-đề. Lãnh thổ hẹp ở phía Nam, rộng ở phía Bắc, ngang dọc bảy ngàn do tuần. Mặt người cũng giống địa hình ở đấy. Có cây chúa tên là Diêm-phù-đề, chu vi bảy do tuần, cao một trăm do tuần, cành lá che khắp bốn phía năm mươi do tuần. (Kinh Khởi Thế nói: “Dưới gốc cây chúa này, có đống vàng Diêm-phù-na Đàn cao hai mươi do tuần. Vì có đống vàng tốt nổi lên dưới gốc cây, nên gọi là vàng của cây Diêm-phù-na). Lại có cây của chim chúa Kim Sí tên là Câu Lợi Thiểm Bà La, chu vi bảy do tuần, cao một trăm do tuần, cành lá che khắp bốn phía năm mươi do tuần. Chúa A-tu-la có cây tên là Thiện Tận, chu vi bảy do tuần, cao một trăm do tuần, cành lá che khắp bốn phía năm mươi do tuần. Trời Đao lợi có cây tên là Trú Độ, chu vi bảy do tuần, cao một trăm do tuần, cành lá che khắp bốn phía năm mươi do

tuần. Người Diêm-phù-đề thọ một trăm tuổi. Có nhiều người chết yểu nữa chừng. Lên mười tuổi chưa biết gì, lên hai mươi tuổi thì hơi biết một chút nhưng chưa sáng lắm. Lên ba mươi tuổi thì có nhiều dục vọng. Lên bốn mươi tuổi thì hành động tùy tiện. Lên năm mươi tuổi thì làm việc có nhiều kinh nghiệm. Lên sáu mươi tuổi thì sống hay nuôi tiếc. Lên 70 tuổi thì tinh thần và thể chất chậm chạp. Lên tám mươi tuổi thì không chú trọng bề ngoài. Lên chín mươi tuổi thì đau ốm khổ sở. Lên một trăm tuổi thì nguyên khí suy tổn. Cũng có người không sống đủ ba trăm mùa Đông, Hạ, Thu. Không hưởng đủ ba vạn sáu ngàn ngày ăn uống no nê”. Luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: “Người Diêm-phù-đề có nhiều loại y phục, trang sức không giống nhau. Có người để tóc dài, chia thành hai búi. Có người cạo sạch tóc râu. Có người chừa lại một búi trên đỉnh đầu, chung quanh cạo sạch, gọi là kiểu tóc Châu La. Có người nhổ trụi tóc râu. Có người cắt bớt tóc râu. Có người bện tóc đuôi sam. Có người hớt tóc ngắn gọn. Có người rửa trước cắt sau cho tròn. Có người không mặc quần áo. Có người mặc quần áo, che trên lộ dưới, hoặc là che dưới lộ trên, hoặc trên dưới đều che, hoặc chỉ che phía trước, phía sau. Người ở châu này, ăn uống nhiều thứ, không thể kể hết. Về chuyện hôn nhân, mua bán, xem qua hiện trạng, có thể biết rõ”. Nhưng luận ấy bảo rằng: “Người Diêm-phù-đề, chuyện dục suốt đời, nhiều đến vô lượng, không giống như người ở ba châu còn lại, chuyện dục ít ỏi. Cũng có người tu hành, suốt đời vô dục”. Theo luận Thuận Chánh Lý nói: “Châu Nam Thiệm Bộ có hai châu trung gian: một là châu Già-mạt-la, hai là châu Phiệt-la-già-la. Cả hai châu này đều có người ở”.

Thứ bảy: PHẦN THÂN LƯỢNG

Theo kinh Lập Thế nói: “Người Diêm-phù-đề có thân hình ngắn ngủn. Khi lên mười tuổi, thân hình thấp bé, hoặc cao từ hai đến ba vóc tay. Nếu đo thân trưởng thành của họ, thì cũng chỉ cao khoảng tám vóc tay”. Luận Tỳ-đàm nói: “Khi người Diêm-phù-đề sống đến một trăm tuổi, thân mình cao ba tấc rưỡi hoặc bốn tấc”. (Kinh Trường A-hàm nói: “Cao ba tấc hoặc không chắc chắn như thế, chỉ nói đại khái mà thôi”). Người Phát-bà-đề cao tám tấc. Người Cù-da-ni cao mười sáu tấc. Người Uất-đơn-việt cao ba mươi hai tấc.

Thứ tám: PHẦN THỌ MỆNH

Như luận Tỳ-đàm nói: “Người Diêm-phù-đề có tuổi thọ không ổn định, chia làm ba hạng: hạng thượng thọ sống một trăm hai mươi lăm

tuổi, hạng trung thọ sống một trăm tuổi, hạng hạ thọ sống sáu mươi tuổi. Trong đó, hạng chết yếu nữa chừng nhiều không kể xiết. Và lại, dựa theo thời kiếp giảm, mới nói có ba hạng này. Nếu căn cứ theo thời Sơ kiếp thì tuổi thọ nhiều vô lượng, có khi lên đến tám vạn bốn ngàn tuổi”. Theo kinh Trường A-hàm nói: “Người Diêm-phù-đề thọ một hai mươi tuổi, kẻ chết yếu nữa chừng cũng nhiều. Người Đông Phát-vu-đãi thọ hai trăm tuổi. (Kinh Lôu Thán nói thọ ba trăm tuổi). Người Tây Câu-da-ni thọ ba trăm tuổi. Người Bắc Uất-đơn-việt thọ một ngàn tuổi. (Người ba châu còn lại đều có kẻ chết yếu nữa chừng. Chỉ có người Bắc Uất-đơn-việt sống ổn định một ngàn tuổi mà thôi).

Thứ chín: PHẦN Y LƯỢNG

Theo kinh Khởi Thế nói: “Thân hình người Diêm-phù-đề cao ba tấc rưỡi, mặc áo dài bảy tấc, rộng ba tấc rưỡi. Người Cù-đà-ni, người Phát-bà-đề có thân mình và quần áo giống hệt của người Diêm-phù-đề. Người Uất-đơn-việt có thân hình cao bảy tấc, mặc áo dài mười bốn tấc, trên bảy tấc, dưới bảy tấc. A-tu-la có thân hình cao một do tuần, mặc áo dài hai do tuần, rộng một do tuần, nặng nửa khởi lợi sa”. (Đời Tùy dịch là nửa lượng. Các kinh khác nói A-tu-la có thể trạng lớn nhỏ không nhất định, như A-tu-la Tỳ-bà-chất-đa cao gấp bốn núi Tu-di).

Thứ mười: PHẦN ƯU LIỆT

Kinh Trường A-hàm nói: “Phật bảo Tỳ-kheo: “Người Diêm-phù-đề có ba sự kiện hơn người Câu-da-ni. Là ba sự kiện nào? Một là dững mãnh nhớ kỹ, thường tạo hạnh nghiệp. Hai là dững mãnh nhớ kỹ, siêng tu phạm hạnh. Ba là dững mãnh nhớ kỹ, Phật sinh ở đấy.

Người Câu-da-ni có ba sự kiện hơn người Diêm-phù-đề. Là ba sự kiện nào? Một là nhiều trâu, hai là nhiều dê, ba là nhiều châu ngọc.

Người Diêm-phù-đề có ba sự kiện hơn người Phát-vu-đãi. Là ba sự kiện nào? Một là dững mãnh nhớ kỹ, thường tạo hạnh nghiệp. Hai là dững mãnh nhớ kỹ, siêng tu phạm hạnh. Ba là dững mãnh nhớ kỹ, Phật sinh ở đấy.

Người Phát-vu-đãi có ba sự kiện hơn người Diêm-phù-đề. Là ba sự kiện nào? Một là đất ấy rất rộng, hai là đất ấy rất lớn, ba là đất ấy rất đẹp. Người Diêm-phù-đề có ba sự kiện hơn người Uất-đơn-việt. Là ba sự kiện nào? Một là dững mãnh nhớ kỹ, thường tạo hạnh nghiệp. Hai là dững mãnh nhớ kỹ, thường tu phạm hạnh. Ba là dững mãnh nhớ kỹ, Phật sinh ở đấy. Người Uất-đơn-việt lại có ba sự kiện hơn người Diêm-

phù-đề. Là ba sự kiện nào? Một là không bị lệ thuộc, hai là không có tư hữu, ba là có tuổi thọ nhất định một ngàn tuổi. Người Diêm-phù-đề cũng lấy ba sự kiện nói trên để hơn loài ngạ quỷ. Loài ngạ quỷ cũng có ba sự kiện hơn người Diêm-phù-đề. Là ba sự kiện nào? Một là trường thọ, hai là thân lớn, ba là người làm mình chịu. Người Diêm-phù-đề cũng lấy ba sự kiện nói trên để hơn loài chim Kim sí. Loài chim Kim sí lại có ba sự kiện hơn người Diêm-phù-đề. Là ba sự kiện nào? Một là trường thọ, hai là mình lớn, ba là có cung điện.

Người Diêm-phù-đề lấy ba sự kiện nói trên để hơn loài A-tu-la. Loài A-tu-la lại có ba sự kiện hơn người Diêm-phù-đề. Là ba sự kiện nào? Một là cung điện cao rộng, hai là cung điện trang nghiêm, ba là cung điện thanh tịnh.

Người Diêm-phù-đề lấy ba sự kiện nói trên để hơn Trời Tứ thiên vương. Trời Tứ thiên vương lại lấy ba sự kiện nói trên để hơn người Diêm-phù-đề. Là ba sự kiện nào? Một là trường thọ, hai là đoàn chánh, ba là nhiều an vui.

Người Diêm-phù-đề cũng lấy ba sự kiện nói trên để hơn các Trời Đao lợi, Trời Diêm ma, Trời Đâu suất, Trời Hóa lạc, Trời Tha hóa tự tại. Chư Thiên này lại có ba sự kiện hơn người Diêm-phù-đề. Là ba sự kiện nào? Một là trường thọ, hai là đoàn chánh, ba là nhiều an vui”.

II. CHƯ THIÊN

Có hai mươi hai phần: Biện vị, Hội danh, Nghiệp nhân, Thọ sinh, Giới lượng, Thân lượng, Y lượng, Thọ lượng, Trụ xứ, Quảng hiệp, Trang sức, Tấu thỉnh, Thông lực, Thân quang, Thị dịch, Hôn lễ, Âm thực, Bộc thừa, Quyển thuộc, Quý tiện, Bản phú, Tổng chung.

Thứ nhất: PHẦN BIỆN VỊ

Như trong luận Bà-sa nói: “Trời có ba mươi hai loại: dục giới có mười loại, sắc giới có mười tám loại, vô sắc giới có bốn loại. Gộp lại thành ba mươi hai loại Trời vậy.

+ Thứ nhất là mười loại Trời của dục giới: một là Trời Thiên thủ, hai là Trời Trì hoa man, ba là Trời Thường phóng dật, bốn là Trời Nhật nguyệt tinh tú, năm là Trời Tứ thiên vương, sáu là Trời Tam thập tam (gọi chung là Trời Đao lợi), bảy là Trời Viêm ma, tám là Trời Đâu suất đà, chín là Trời Hóa lạc, mười là Trời Tha hóa tự tại. (Trời Nhật nguyệt tinh tú ở đầu và bốn Trời ở sau, tất cả năm Trời này đều cư trú

giữa không trung. Các Trời Thiên thủ, Trì hoa man, Phóng dật, Tứ thiên vương, Dao lợi, tất cả năm Trời này đều cư trú trên núi. Tại phần thứ chín Trụ xứ, có nói đầy đủ).

+ Thứ hai là sắc giới có mười tám Trời. Trong cõi Sơ Thiên có ba Trời: một là Trời Phạm chúng, hai là Trời Phạm phụ, ba là Trời Đại phạm. (Trời Đại phạm này không có chỗ ở riêng, song Trời Phạm phụ có lâu đài, nguy nga hoành tráng, Thiên vương Đại phạm một mình ngự trên đó, để phân biệt với quần thần. Trong ba Trời này, Trời Phạm chúng là thứ dân, Trời Phạm phụ là quần thần, Trời Đại phạm là vua. Chỉ ở cõi Sơ thiên này mới có sự phân biệt quần thần. Từ đây trở lên hết thảy đều không có như thế). Trong cõi Nhị Thiên lại có ba Trời: Một là Trời Thiếu quang, hai là Trời Vô lượng quang, ba là Trời Quang Âm. Trong cõi Thứ ba Thiên, cũng có ba Trời: Một là Trời Thiếu tịnh, hai là Trời Vô lượng tịnh, ba là Trời Biến tịnh. Riêng trong cõi Đệ tứ Thiên cũng có 9 Trời: một là Trời Phước sinh, hai là Trời Phước ái, ba là Trời Quảng quả, bốn là Trời Vô tướng (Trời Vô tướng này không có chỗ ở riêng, chỉ ở cùng chỗ với Trời Quảng quả. Do đây là ngoại đạo cư trú, nên chia thành hai tên khác nhau), năm là Trời Vô phiến, sáu là Trời Vô nhiệt, bảy là Trời Thiện hiện, tám là Trời Thiện kiến, chín là Trời Sắc cứu cánh (cũng gọi là Trời A ca nị tra).

+ Thứ ba là vô sắc giới cũng có bốn Trời: một là Trời Không xứ, hai là Trời Thức xứ, ba là Trời Vô sở hữu xứ, bốn là Trời Phi tướng phi tướng xứ (như thế gọi là Tam giới, gồm có ba mươi hai loại Trời).

Hỏi: “Chưa rõ trong ba mươi hai cõi Trời này, có bao nhiêu cõi phàm, bao nhiêu cõi Thánh?”. Đáp: “Chỉ có hai cõi phàm, năm cõi Thánh. Trong hai mươi lăm cõi còn lại, phàm Thánh ở chung. Hai cõi được gọi chỉ có kẻ phàm ở là: một là Trời Đại phạm của Sơ Thiên, hai là Trời Vô tướng trong Tứ Thiên, là chỗ cư trú chỉ dành cho kẻ ngoại đạo”.

Hỏi: “Vì sao hai cõi này chỉ có kẻ phàm ở?”.

Đáp: “Vì Thiên vương Đại phạm không thấu đạt nghiệp nhân, nên phát ngôn: “Ta có khả năng tạo dựng tất cả trời đất chúng sinh”. Ý thị vào sự ngã mạn này mà khinh miệt tất cả Thánh nhân, nên chẳng ở chung với họ. Hơn nữa, trong Trời Vô tướng, chỉ có kẻ ngoại đạo tu tập định vô tướng, nên sinh vào đấy, hưởng thọ phước báo năm trăm kiếp vô tâm. Kẻ ngoại đạo ấy không thấu đạt, cho đây là Niết bàn. Đến khi phước báo đã hết, tất nhiên nảy sinh tà kiến, lại sinh vào địa ngục. Vì lý do này, tất cả Thánh nhân đều không sinh vào đấy. Năm cõi được gọi

chỉ có Thánh nhân cư trú là năm Trời Tĩnh cư, kể từ Trời Quảng quả trở lên các trời Vô phiến, Vô nhiệt, là chỗ cư trú của các bậc A-na-hàm, La hán. Nếu kẻ phàm muốn sinh vào đấy, phải nhắm đạt đến pháp thân A-na-hàm, chứng được Tứ Thiên, phát trí vô lậu, hun đúc Thiền nghiệp, tu luyện một phẩm cho đến năm phẩm, mới được sinh vào đấy. Kẻ phàm phu vì không huân tập Thiền nghiệp, nên không sinh vào đấy.

Nếu nói A-na-hàm sinh vào cõi ấy thì đúng lý, khỏi phải nghi ngờ”. Vậy hỏi: “A-la-hán đã là bậc vô sinh, vì sao lại nói sinh vào cõi ấy?”.

Đáp: “Điều này có nghĩa rằng từ dục giới, A-na-hàm nhờ sinh vào đấy mà chứng quả A-la-hán, chứ không có nghĩa rằng trước đã là A-la-hán mới sinh vào đấy. hai mươi lăm cõi Trời còn lại, Thánh phàm cùng ở chung, không nói cũng đã rõ”. Nếu căn cứ hoàn toàn theo giáo lý Đại Tiểu thừa, thì gồm có bốn Trời, nên kinh Niết bàn nói: “Có bốn loại Trời: một là Thế gian thiên, hai là Sinh thiên, ba là Tịnh thiên, bốn là Nghĩa thiên. Thế gian thiên là như các quốc vương. Sinh thiên là từ Trời Tứ thiên vương đến Trời Phi tướng vô tướng. Tịnh thiên là từ Tu đà hoàn đến Bích-chi Phật. Nghĩa thiên là Thập trụ Bồ tát ma ha tát. Vì sao Thập trụ Bồ tát gọi là Nghĩa thiên? Vì thường hiểu rõ nghĩa lý các pháp, thấy rõ tất cả các pháp đều có nghĩa không”.

Thứ hai: PHẦN HỘI DANH

Thứ nhất là Tứ thiên vương. Theo kinh Trường A-hàm nói: “Thiên vương ở phương Đông tên là Đa la tra, nghĩa là Chúa trị nước (luận Trí Độ gọi là Đề Đầu Lại Tra), thống lãnh Càn thất bà và các thần tướng và Tỳ xá xà, hộ vệ nhân dân nước Phất-bà-đề khỏi bị xâm lăng. Thiên vương ở phương Nam tên là Tỳ lưu ly, nghĩa là Chúa sinh trưởng (luận Trí Độ gọi là Tỳ lâu lạc xoa), thống lãnh các thần Cư bàn trà và Bệ lệ, hộ vệ nhân dân nước Diêm-phù-đề. Thiên vương ở phương Tây tên là Tỳ lưu bát xoa, nghĩa là chúa lời dữ (luận Trí Độ gọi là Tỳ lâu bát xoa), thống lãnh tất cả loài Rồng và Phú đơn na, hộ vệ nhân dân nước Cù-da-ni. Thiên vương ở phương Bắc tên là Tỳ-sa-môn, nghĩa là chúa kiến thức, thống lãnh các Dạ-xoa và La sát, hộ vệ nhân dân nước Uất-đơn-việt”. Luận Trí Độ nói: “Thiên Đế-thích, đầy đủ theo Phạm âm, phải nói là Đề bà na nhân. Thích Ca là Năng (đời Tần dịch), Đề bà là Thiên, Nhân là chúa. Gộp lại mà nói, là Năng Thiên Chúa nghĩa là Thiên chúa tài năng. Tu dạ ma thiên là Diệu thiện (đời Tần dịch). Đầu suất đà là Diệu túc (đời Tần dịch). Tu niết mật đà là Hóa lạc (đời Tần

dịch). Bà xá bạt đề là Tha hóa tự tại thiên (đời Tần dịch). Phạm Thiên vương tên là Thi khí (đời Tần dịch là Đại đỉnh, các đời khác dịch là Đại khí). Thủ đà bà thiên là Tĩnh cư thiên”. (Đời Tần dịch. Và lại theo luận Trí độ chỉ giải thích các Trời chính, số trời ngoài đây ra thì các tên đều được nói đầy đủ trong luận Bà-sa hiêm vì văn từ phức tạp, nên không thể chép lại tất cả). Kinh Trung A-hàm nói: “Bấy giờ, có Tỳ-kheo xa lạ, tìm đến chỗ Phật, dập đầu lạy dưới chân Ngài, rồi lui ra đứng xa, bạch Phật rằng: “Thưa Thế-tôn, vì nguyên nhân nào, gọi là Thích-đề-hoàn Nhân?”. Phật bảo Tỳ-kheo ấy: “Thích-đề-hoàn Nhân, khi còn làm người, vốn thường hay bố thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn nghèo nàn khổ sở, các thứ đồ ăn uống, tiền của, đèn đuốc. Vì có khả năng nhẫn nhịn bố thí như thế, nên gọi tên là Thích-đề-hoàn Nhân”. “Lại vì nhân duyên nào, gọi là Phú-lan-đà-la?”. Phật bảo: “Người ấy, khi còn làm người, thường thường bố thí các thứ áo quần, chăn màn, đồ ăn thức uống, cho đến cả đèn đuốc, nên gọi tên là Phú-lan-đà-la”. “Lại vì nhân duyên nào, gọi là Ma ha bà?”. Phật bảo: “Người ấy, khi còn làm người, tên là Ma già bà, tức là lấy què quán đặt tên”. “Lại vì nhân duyên nào, gọi là Ta-bà-bà?”. Phật bảo: “Người ấy, khi còn làm người, lấy áo Bà-săn của chính mình bố thí cúng dường, nên gọi là Ta-bà-bà”. “Lại vì nhân duyên nào, gọi là Kiêu thi ca?”. Phật bảo: “Vốn khi còn làm người, người ấy mang họ Kiêu thi ca, nên gọi tên như thế”. “Lại vì nhân duyên nào, gọi là Xá-chi bát đê?”. Phật bảo: “Vị Xá-chi ấy là hoàng hậu thứ nhất của Thiên Đế-thích”. “Lại vì nhân duyên nào, gọi là Thiên nhân?”. Phật bảo: “Vốn khi còn làm người, người ấy thông minh, trí tuệ. Vừa đặt mình ngồi xuống, đã suy nghĩ ra ngàn ý nghĩa khác nhau, quan sát thấu đáo, ước lượng chính xác, nên gọi tên như thế”. “Lại vì nhân duyên nào, gọi là Nhân đề lợi?”. Phật bảo: “Vì Thiên Đế-thích là chúa tể của ba mươi hai chư Thiên”. Phật lại bảo Tỳ-kheo ấy: “Nhưng Thích-đề-hoàn nhân ấy, khi còn làm người, đã thọ trì bảy điều, nên được trở thành Thiên Đế-thích. Là những điều gì? Ấy là từ cúng dường cha mẹ cho đến bố thí rộng rãi khắp chúng sinh, như kinh kệ nói, nên được làm Thiên Đế-thích”.

Thứ ba: PHẦN NGHIỆP NHÂN

Hỏi: “Tạo nghiệp nào sinh ra báo ứng ở Lục đạo?”. Trả lời rằng là theo luận Trí Độ nói: “Nghiệp báo của Lục đạo không ngoài phạm vi thiện ác. Mỗi thứ đều có ba phẩm là thượng, trung, hạ. Thượng phẩm sinh vào trời, trung phẩm vào người, hạ phẩm sinh vào bốn ác đạo”.

Nếu y theo nghĩa này, chỉ cần thượng phẩm thiện cũng đủ sinh vào cõi Trời, không phân chia Tán, Định riêng biệt hay sao? Nếu y theo trong kinh Nghiệp Báo Sai Biệt, thấy có nói cụ thể làm Thập thiện được sinh vào Thiên đạo, và có phân chia riêng biệt Định, Tán ở Tam giới. Kinh ấy nói: “Lại có Thập thiện, khiến chúng sinh thọ báo ứng ở Trời dục giới, tụ tập đầy đủ tăng thượng pháp Thập thiện thì thọ báo ứng được sinh vào Trời dục giới. Đó là tán Thiện nghiệp ở dục giới tán. Lại có bốn nghiệp, thường khiến chúng sinh thọ báo ứng ở Trời Vô sắc giới. Một là nghĩa vượt qua hết thủy sắc tướng, diệt hết thủy hữu đối tượng, nhập vào không xứ định. Hai nghĩa là vượt qua hết thủy không xứ định, nhập vào thức xứ định. Ba nghĩa là vượt qua hết thủy thức xứ định, nhập vào vô sở hữu xứ định. Bốn nghĩa là vượt qua hết thủy vô sở hữu xứ định, nhập vào Phi tướng phi phi tướng xứ định. Nhờ bốn nghiệp này, thọ được báo ứng của vô sắc giới. Nếu thế, ở cõi vô sắc này, tại sao không nói đến Thập thiện nghiệp? Phải nói rằng ở cõi này là vô sắc báo ứng tạp sắc để tu phép xa lìa hai nghiệp thân khẩu. Thế nên, căn cứ vào địa vị, chỉ nói bốn nghiệp mà không nói đến Thập thiện. Tuy nhiên, những điều nói trên, đều do Phật phân biệt nghiệp báo nhân quả tương đương, không sai biệt.

Nếu theo kinh Thiện Giới nói, thì tăng giữ hai trăm năm mươi giới, ni giữ ba trăm bảy mươi tám giới, cũng chính là Thiện nghiệp để sinh vào cõi Trời. Thế nên kệ trong luật Tứ Phần nói:

*“Người sáng thường giữ giới,
Thường được ba điều vui,
Danh dự và lợi lạc,
Chết được sinh lên Trời”.*

Đó là căn cứ vào Trời Dục giới mà nói. Hơn nữa, theo kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Hoặc nhờ giữ giới, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, do ba Thiện nghiệp này, cũng được sinh vào cõi Trời”. Đó cũng là sinh vào cõi Trời Dục giới, Trời Sắc giới. Nói nhân ở thời khác nữa, nên không phải khư khư ôm vào ba Thiện nghiệp này liền được sinh vào cõi Trời. Như kinh Ôn Thất nói: “Có vị Tăng nết rượu, khi sạch nghiệp, cũng được sinh vào cõi Trời và hưởng phước báo ở Thượng giới”. Đây cũng ý nói còn có nhân ở thời khác nữa, chứ không đưa ra các vị Tăng nết rượu nhờ tán thiện, đều được sinh vào Thượng giới. Nhưng chỉ là báo ứng của Trời Dục giới. Lại nữa, như kinh Niết Bàn nói: “Có bà mẹ hiền, vì muốn cứu đứa con chết đuối trên sông Hằng, nên cả hai mẹ con đều chết, được sinh vào cõi Phạm Thiên”. Đây cũng

chỉ là lòng nhân từ của tán tâm, chẳng có chút định nào hỗ trợ cả, làm sao được sinh vào cõi Trời? Đấy chỉ nên căn cứ ở nhân xa xưa, chẳng phải chỉ khư khư ở lòng nhân từ của tán tâm liền được sinh vào cõi Trời. Lại như một lần nghe qua kinh Niết Bàn mà không đọa vào bốn ác đạo, thì cũng có ý nghĩa như trên. Bởi vậy kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Nếu thân không sát sinh, trộm cắp, tà dâm, miệng không nói dối, thêu dệt, không nói hai lưỡi, không nói ác độc, giữ được bảy giới này, thì được sinh vào cõi Trời Tứ thiên vương. Nếu thường giữ được bảy giới thì được sinh vào Trời Hóa lạc. Sự báo ứng này có ba phẩm, đó là thượng, trung, hạ. Nếu giữ giới không sát sinh, thì được sinh vào Trời Tứ thiên vương. Nếu giữ giới không sát sinh, không trộm cắp, thì được sinh vào Trời Tam thập tam. Nếu giữ giới không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm thì được sinh vào Trời Dạ ma. Nếu giữ giới không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, thêu dệt, không nói hai lưỡi, không nói ác độc, thì được sinh vào Trời Đâu suất đà. Thọ trì giới thế gian, tin tưởng phụng trì giới Phật. Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, thêu dệt, không nói hai lưỡi, không nói ác độc, thì được sinh vào các Trời Hóa lạc, Trời Tha hóa tự tại”. Lại nữa, kinh Trường A-hàm nói: “Từ trước ở nơi cửa Phật, thanh tịnh tu trì Phạm hạnh, ở đời này sau khi mệnh chung thì được sinh vào Trời Đạo lợi, khiến cho các Trời ấy tăng thêm năm điều phước đức: một là Thiên thọ, hai là Thiên sắc, ba là Thiên danh xưng, bốn là Thiên lạc, năm là Thiên uy đức”. Kinh Tạp A-hàm nói: “Bấy giờ, Phật bảo Tỳ-kheo: vào thời quá khứ, ở nước Câu Tát La có người chơi đàn tên là Lộc Ngưu du hành trong nước Câu Tát La ấy và nghỉ ngơi giữa chỗ hoang vắng. Có sáu thiên nữ ở Thiên cung vĩ đại hiện xuống chỗ người chơi đàn và bảo rằng: “Ông ơi! Ông ơi! Đàn lên cho chúng tôi nghe, chúng tôi sẽ ca múa cho mà xem!”. Lộc Ngưu nói rằng: “Phải đấy, các tử muội! Tôi sẽ đàn cho các tử muội nghe, nhưng các tử muội phải nói tôi là ai, vì sao sinh xuống thế gian này”. Các Thiên nữ đáp rằng: “Xin ông cứ đàn lên, chúng tôi sẽ ca múa. Trong lời ca, sẽ nói lên vì sao ông sinh xuống thế gian này”. Người ấy liền chơi đàn. Sáu thiên nữ ấy lập tức ca múa theo tiếng đàn.

Thiên nữ thứ nhất ca bài kệ:

*“Kẻ nam người nữ nào,
Bố thí áo rất đẹp.
Vì nhân duyên cho áo,
Được sinh chỗ rất tốt.*

*Bố thí vật yêu thích,
Sinh vào Trời theo ý.
Xem ta ở cung điện,
Cưỡi hư không rong chơi.
Thân Trời như vàng đúc,
Đứng đầu trăm Thiên nữ.
Xem kỹ phước đức này,
Đứng đầu mọi hồi hướng”.*

Thiên nữ thứ hai lại ca bài kệ tiếp theo:

*“Kẻ nam người nữ nào,
Bố thí hương rất thơm.
Bố thí của yêu thích,
Sinh vào Trời theo ý.
Xem ta ở cung điện,
Cưỡi hư không rong chơi.
Thân Trời như vàng đúc,
Đứng đầu trăm Thiên nữ.
Xem kỹ phước đức này,
Đứng đầu mọi hồi hướng”.*

Thiên nữ thứ ba lại ca bài kệ tiếp theo:

*“Kẻ nam người nữ nào,
Đem thức ăn bố thí.
Bố thí thứ yêu thích,
Sinh vào Trời tùy ý.
Xem ta ở cung điện,
Cưỡi hư không rong chơi.
Thân Trời như vàng đúc,
Đứng đầu trăm Thiên nữ.
Xem kỹ phước đức này,
Đứng đầu mọi hồi hướng”.*

Thiên nữ thứ tư lại ca bài kệ tiếp theo:

*“Nhớ lại thuở tiền kiếp,
Từng làm tôi tớ người.
Không trộm cắp, tham lam,
Tu hành không lười biếng.
Nhịn ăn, tự dẫn mình,
Chia cơm, cứu kẻ khó.
Nay được ở cung điện,*

*Cưỡi hư không rong chơi.
Thân Trời như vàng đúc,
Đứng đầu trăm Thiên nữ.
Xem kỹ phước đức này,
Đứng đầu mọi hồi hướng”.*

Thiên nữ thứ năm lại ca bài kệ tiếp theo:

*“Nhớ lại thưở tiền kiếp,
Sống làm vợ người ta.
Cha mẹ chồng tính ác,
Thường buông lời nặng nề.
Giữ trọn đạo làm vợ,
Khiêm cung ráng thuận hòa.
Nay được ở cung điện,
Cưỡi hư không rong chơi.
Thân Trời như vàng đúc,
Đứng đầu trăm Thiên nữ.
Xem kỹ phước đức này,
Đứng đầu mọi hồi hướng”.*

Thiên nữ thứ sáu lại ca bài kệ tiếp theo:

*“Nhớ xưa gặp bộ hành,
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni.
Cận kề nghe thuyết pháp,
Trai giới một ngày đêm.
Nay được ở cung điện,
Cưỡi hư không rong chơi.
Thân Trời như vàng đúc,
Đứng đầu trăm Thiên nữ.
Xem kỹ phước đức này,
Đứng đầu mọi hồi hướng”.*

Bấy giờ người chơi đàn Lộc Ngưu của nước Câu Tát La bèn hát bài kệ rằng:

*“Tôi nay may đến đây,
Trong rừng Câu tát la.
Được gặp các Thiên nữ,
Hiện đủ thiên thân đẹp.
Đã gặp và đã nghe,
Phải tu thêm Thiện nghiệp.
Nhờ công tu từ nay,*

Cũng được sinh cõi Trời”.

Tiếng kệ vừa xong, các thiên nữ biến mất, không thấy được nữa”.

Thứ tư: PHẦN THỌ SINH

Thứ nhất là Trời Tứ thiên vương thọ sinh: Theo các kinh Trường A-hàm và luận Trí Độ, Trời Tứ thiên vương đều có hôn nhân, hành dục như người thường, nhưng sinh ra theo lối hóa sinh. Từ trên đầu gối sinh ra, đã lớn như trẻ con hai tuổi. Theo luận Thuận Chánh Lý nói: “Như trẻ con năm tuổi”. (Các kinh khác nói: “Nam sinh ngồi trên đầu gối phải của mẹ, nữ sinh trên đầu gối trái của mẹ”). Chẳng bao lâu, đã biết đói khát. Tự nhiên hiện ra các vật quý đựng đầy thức ăn, đủ mỹ vị. Nếu trời có nhiều phước đức, thức ăn toàn màu trắng tinh. Phước đức trung bình thì màu xanh. Phước đức kém thì màu đỏ. Nếu khát thì có vật quý đựng nước cam lồ. Cũng có ba màu khác nhau như của thức ăn. Uống vào miệng không lưu giữ như sữa mật ném vào lửa (tan ngay). Ăn uống xong, Trời trưởng thành như chư Thiên. Khi mới sinh ra, Trời nhớ lại được nghiệp tiền kiếp. Khi biết chơi đùa, khả năng này biến mất.

Thứ hai là Trời Đao lợi thọ sinh: Theo kinh Tỳ Da Bà Tiên Nhân Vấn Phật nói: “Các đại Tiên phải biết rằng Trời Tam thập tam đang đi rong chơi hưởng dục, bỗng gặp các thiên nam, thiên nữ trong rừng cây, cùng ngồi một chỗ, lòng thích lạc thú ái ân, liền sinh vào đấy. Như luồng dây râu ngọc, rút dây thì ngọc chạy theo, Trời không sinh vào đường khác. Ngay khi thọ sinh, ở tay thiên nữ bỗng hiện ra đóa hoa. Thấy xong, thiên nữ biết mình đã có con, liền cầm đóa hoa đưa cho thiên nam và nói: “Nếu nay có con, thật đáng vui mừng!”. Thiên nam thấy xong, vui mừng tăng lên, biết rằng vợ mình có được đồng tử nhà Trời. Cả hai đều rất vui mừng. Đủ một tuần, đồng tử tóc dài phát phơ, trong trắng không bợn, có cả áo trời. Trong tuần đầu ấy, đồng tử nhớ lại được từ chỗ nào ta giáng sinh xuống cõi Trời này, ai là cha mẹ của ta, ta đã làm nghiệp thiện. Lòng rất vui mừng! Vui mừng xong, liền nao nức muốn đến ngay chỗ ấy, như voi hăng đi. Tay tựa vòi voi, tròn lớn thon dài. Bụng thật bằng phẳng, tay ánh sắc vàng. Thân trên thân dưới lớn, thân giữa thon thả. Bước đi cần trọng, nội tâm dũng mãnh. Eo như chuôi cung, lưng thật ngay thẳng. Hai đùi hồng hào tròn trịa như thân vây chuối. Theo đúng cốt cách nhà Trời, râu ria gọn mảnh, tỏa hương rất thơm. Móng vẩy hồng, mỏng. Thân thể thơm tho tinh khiết. Trời không có ý điểm tô trang sức, chỉ cốt giữ gìn thân thể không sinh bệnh tật. Từ trong cung điện của Trời ấy, các Thiên nữ độc thân, các đồng tử tuần tự bước ra, tất

cả đều đứng vây quanh Trời này và nói: “Đức Thánh đến thật là đúng lúc! Đây chính là cung điện của Ngài. Chúng tôi không có chồng, lâu nay xa lạ đường chồng. Ở đây chỉ toàn đồng tử. Chúng tôi nay còn thơ ngây, sắc đẹp đầy đủ, nguyên vẹn cúng dường. Ngược như bình vàng, mặt thắm tươi như hoa sen mới nở, sáng láng như tia chớp trong mây, đoan trang khả ái. Chúng tôi là Thiên nữ, xin dâng hiến cúng dường, vâng lời sai bảo ở chỗ vui chơi này”. Thế là các thiên nữ đều đến cận kề bên Trời ấy dâng hiến cúng dường. Cõi Trời Tam thập tam ấy có Thiên pháp đường làm nơi Thiên chúng tụ họp, gồm tám vạn bốn ngàn cây cột làm bằng các loại bảo vật. Người vào đó không bị tai hại do các loại muỗi mòng đốt phá, không gặp các tật xấu ngu nghê trẻ nãi, cau có khó khăn. Trái lại, ở đó có vô số trăm ngàn thiên nữ háo hức lòng dục cười đùa, không hề có các thói xấu ghen tuông, cãi vã. Các thiên nữ có đôi má trong sáng không bợn, như vầng gương trắng. Theo phép thiên nữ, dùng phấn hương nhiều màu tô điểm lên má để trang điểm mặt mày. Các thiên nữ cất tiếng ca hát, cùng nhau vui chơi”.

Kinh Khởi Thế nói: “Vị ấy ở trong cõi Trời, hoặc từ thiên nam, hoặc từ thiên nữ, hoặc từ chỗ ngôi, hoặc từ trong hai đầu gối, hoặc từ giữa hai đùi, bỗng nhiên sinh ra. Khi vừa lọt lòng, đã giống trẻ con ở nhân gian chừng 12 tuổi. Nếu là thiên nam, thì từ chỗ ngôi hay bên đầu gối của thiên tử, chọn một chỗ để sinh ra. Khi đã ra đời, vị thiên tử ấy liền gọi rằng: “Đây là con của ta!”. Từ lúc sơ sinh, nhờ ở nghiệp lực, vị ấy có được ba loại hoài niệm: một là biết được chỗ nào chết đi, hai là biết được nay sinh vào cõi Trời này, ba là do tiền kiếp ấy mà có nghiệp quả này, phước báo này. Nhớ lại như thế xong, liền muốn ăn uống. Lập tức, trước mặt có các vật quý tự nhiên đựng đầy mỹ vị Tu đà của trời với nhiều màu sắc khác nhau. Nếu phước báo nhiều, các vật quý đựng mỹ vị Tu đà có màu trắng tinh. Phước báo vừa, có màu hơi đỏ. Phước báo ít, có màu hơi đen. Vị thiên tử mới này lấy tay cầm mỹ vị Tu đà tự nhiên cho vào miệng, liền tiêu tan dần, như sữa bỏ vào lửa đỏ, thì sẽ tiêu tan mất, chẳng còn lại chút bóng dáng gì. Nếu có lúc khát, lập tức trước mặt hiện ra đồ đựng quý chứa đầy rượu Trời. Tùy theo ba phẩm phước báo thượng, trung, hạ mà có màu trắng, đỏ, đen khác nhau, nói gọn theo trên. Uống vào là tiêu mất, cũng như đã nói ở trên. Ăn uống xong xuôi, thân thể liền trưởng thành. Lớn, nhỏ, cao, thấp bằng các thiên nam, thiên nữ kỳ cựu, chẳng có gì khác biệt. Các thiên nam, thiên nữ mới này, thân thể đã sung mãn, mỗi người tùy theo sở thích, hoặc đến hoa viên xem cây cối. Tự nhiên, có nhiều loại y phục, chuỗi ngọc, tràng

hoa, thức ăn, nhạc khí hạ xuống, vừa tầm tay lựa chọn, nhiều không kể xiết. Các thiên nữ vào trong vườn này, chưa từng thấy được cảnh tượng như thế, nhờ nghiệp lực quen, rạch ròi phân minh, nhớ lại chuyện kiếp trước, rõ ràng như xem chỉ tay. Do thấy các thiên nữ mê đắm vật sắc, chánh niệm giác trí này liền biến mất. Đã mất khả năng nhớ lại tiền kiếp, lại còn tiêm nhiễm thị dục hiện tại, các thiên nữ chỉ còn buông lời: “Ở đây đều là thiên nữ ngọc ngà, thiên nữ ngọc ngà! Đấy gọi là bị ái dục trói buộc”.

Luận Thuận Chánh Lý nói: “Chư Thiên khi mới ra đời, thân lượng ra sao? Thế này, chư Thiên cõi Lục dục, khi sơ sinh, lớn bằng trẻ con từ hai, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười tuổi. Sinh xong, thân lượng nhanh chóng tròn trịa đầy đặn. Thiên chúng ở Trời sắc giới, khi sơ sinh, thân lượng tròn trịa, đủ cả áo trời đẹp đẽ. Tất cả chư Thiên đều nói tiếng Thánh, vì tiếng ấy giống tiếng ở Trung Ấn, nhưng chư Thiên không cần học vẫn thông hiểu ngôn từ”.

Thứ năm: PHẦN GIỚI LƯỢNG

Theo kinh Lập Thế nói: “Dưới chân núi Tu-di là chỗ ở của chư Thiên. Có ba cấp khác nhau: cấp thứ nhất, ngang dọc bằng nhau, rộng sáu mươi do tuần. Cấp thứ hai, ngang dọc bằng nhau, rộng bốn mươi do tuần. Cấp cao nhất, ngang dọc bằng nhau, rộng hai mươi do tuần. Mỗi cấp đều có bảy lớp tường rào chung quanh. Thậm chí có đủ các loại chim, mỗi loài đều cất tiếng hát tuyệt diệu, không thiếu âm hưởng nào. Trong ba cấp này đều có Dạ-xoa cư trú. Giữa chừng núi Tu-di, cao bốn vạn hai ngàn do tuần, có cung điện do Tứ thiên vương cư trú. Trên đỉnh núi Tu-di có cung điện của Trời Tam thập tam, do Đế-thích cư trú. Trên Trời Tam thập tam một đôi (khoảng cách giữa chừng đến đỉnh núi Tu-di), có Trời Dạ ma. Lại thêm một đôi nữa, có Trời Đâu suất. Lại thêm một đôi nữa, có Trời Hóa lạc. Lại thêm một đôi nữa, có Trời Tha hóa tự tại. Trên Trời Tha hóa tự tại, lại thêm một đôi nữa có Trời Phạm thân. Trong khoảng phía dưới của Trời này, có cung điện của Ba tuần La ma. Trên Trời Phạm thân một đôi, có Trời Quang Âm. Trên Trời Quang Âm một đôi nữa thì có Trời Biến tịnh. Trên Trời Biến tịnh một đôi thì có Trời Quảng quả. Trên Trời Quảng quả một đôi thì có Trời Bất thô. Dưới khoảng Trời Bất thô này, đặc biệt có cung điện do chư Thiên cư trú, tên là chúng sinh vô tướng. Trên Trời Bất thô một đôi thì có Trời Bất phiến. Trên Trời Bất phiến một đôi thì có Trời Thiện kiến. Trên Trời Thiện kiến một đôi thì có Trời Thiện hiện. Trên Trời Thiện hiện một đôi thì

có cung điện của Trời A ca nị tra. Trên Trời A ca nị tra, lại có các Trời khác tên là Vô biên không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ. Trên đây là đều nói tên chỗ cư trú của chư Thiên. Chư Thiên cư trú trong giới phận này. Như đi lại, sinh diệt khắp mọi biên giới ở đấy. Tất cả chư Thiên đều sinh, già, bệnh, chết, đọa lạc vào trong đó, không vượt ra ngoài. Như thế, gọi là thế giới Ta bà. Vô lượng thế giới khắp mười phương cũng đều như thế”.

Luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: “Từ Diêm-phù-đề xuống hai vạn do tuần là địa ngục Vô gián. Từ Diêm-phù-đề xuống một vạn do tuần là địa ngục của Trời Diêm ma. Giữa hai địa ngục này là các địa ngục khác (cũng có chỗ xa gần, nhưng luận này không nói đến). Từ Diêm-phù-đề trở lên bốn vạn do tuần là chỗ cư trú của Tứ thiên vương; trở lên tám vạn do tuần là chỗ cư trú của Trời Tam thập tam. Từ đây trở lên mười sáu vạn do tuần là chỗ cư trú của Trời Dạ ma. Từ đây trở lên ba ức hai vạn do tuần là chỗ cư trú của Trời Đâu suất đà. Từ đây trở lên sáu ức bốn vạn do tuần là chỗ cư trú của Trời Hóa lạc. Từ đây trở lên mười hai ức tám vạn do tuần là chỗ cư trú của Trời Tha hóa tự tại.

Có Tỳ-kheo hỏi Phật: “Bạch đức Thế-tôn, từ Diêm-phù-đề đến Phạm xứ, gần xa bao nhiêu?”. Phật bảo: “Này, Tỳ-kheo, từ Diêm-phù-đề đến Phạm xứ rất xa, rất cao. Thí dụ như vào Rằm tháng chín, lúc trăng tròn, nếu có người tại Phạm xứ, phóng một khối đá vuông vức một trăm trượng xuống hạ giới, nữa chừng không bị cản trở, thì đến Rằm tháng chín trăng tròn năm sau, mới rơi xuống đặng Diêm-phù-đề. Từ Diêm-phù-đề đến Trời Vô lượng quang lại xa một đổi như thế. Từ Trời Vô lượng quang đến Trời Biến thắng quang lại xa một đổi như thế. Từ Trời Biến thắng quang đến Trời Thiếu tịnh lại xa một đổi như thế. Từ Trời Thiếu tịnh đến Trời Vô lượng tịnh lại xa một đổi như thế. Từ Trời Vô lượng tịnh đến Trời Biến tịnh lại xa một đổi như thế. Từ Trời Biến tịnh đến Trời Vô vân lại xa một đổi như thế. Từ Trời Vô vân đến Trời Phước sinh lại xa một đổi như thế. Từ Trời Phước đến Trời Quảng quả lại xa một đổi như thế. Từ Trời Quảng quả đến Trời Vô tướng lại xa một đổi như thế. Từ Trời Vô tướng đến Trời Thiện hiện lại xa một đổi như thế. Từ Trời Thiện hiện đến Trời Thiện kiến lại xa một đổi như thế. Từ Trời Thiện kiến đến Trời Bất phiền lại xa một đổi như thế. Từ Trời Bất phiền đến Trời Bất thiêu lại xa một đổi như thế. Từ Trời Bất thiêu đến Trời A ca nị tra lại xa một đổi như thế. Phật bèn nói kệ rằng:

*“Từ A ca nị tra
Đến đất Diêm-phù-đề,*

*Buông tảng đá núi lớn. Hết sáu vạn năm
ngàn
Năm trăm ba mươi lăm năm, Giữa đó không
ngăn chặn, Mới đến Diêm-phù-đề”.*

Luận Trí Độ nói: “Thí dụ như từ ranh giới đầu tiên của sắc giới, buông một tảng đá vuông vức một trượng thì trải qua một vạn tám ngàn ba trăm tám mươi ba năm mới rơi xuống tới mặt đất”.

